TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ ĐẶC TRƯNG VIỆC ĐỌC CỦA SINH VIÊN TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

Lê Thị Hoa
Viện Xã hội học và Tâm lý học
Email: Hoahuytuan@gmail.com

***Tóm tắt**: Trong bối cảnh chuyển đổi số, việc đọc của sinh viên thay đổi rõ rệt về phương thức tiếp cận, hành vi và hiệu quả tiếp nhận tri thức. Bài viết tổng quan tài liệu, hệ thống hóa các nghiên cứu trong và ngoài nước về đặc trưng đọc của sinh viên và phân tích vai trò của vốn kỹ thuật số đối với hành vi đọc trong môi trường số. Kết quả cho thấy sinh viên chuyển từ tài liệu in sang học liệu số, với xu hướng đọc nhanh, đọc lướt và phụ thuộc hơn vào thiết bị công nghệ. Dù chuyển đổi số mở rộng cơ hội tiếp cận tri thức, nhiều nghiên cứu ghi nhận nguy cơ suy giảm đọc sâu và tư duy phản biện. Bài viết cũng chỉ ra khoảng trống nghiên cứu về mối quan hệ giữa vốn kỹ thuật số và việc đọc của sinh viên tại Việt Nam và gợi ý hướng nghiên cứu cùng chính sách phát triển văn hóa đọc và giáo dục đại học.*

***Từ khóa:** việc đọc; sinh viên; chuyển đổi số; vốn kỹ thuật số; hành vi đọc.*

A REVIEW OF RESEARCH ON THE CHARACTERISTICS OF STUDENT READING IN THE CONTEXT OF DIGITAL TRANSFORMATION

***Abstract**: In the context of digital transformation, university students' reading practices have shifted significantly in terms of access methods, behaviors, and the efficacy of knowledge acquisition. This literature review synthesizes domestic and international studies on students' reading characteristics and examines the role of digital capital in shaping reading behaviors within digital environments. The findings indicate a transition from printed materials to digital learning resources, accompanied by a growing tendency toward speed reading, skimming, and an increased reliance on technological devices. Although digital transformation expands access to knowledge, numerous studies highlight a potential decline in deep reading and critical thinking skills. Furthermore, this review identifies a research gap concerning the relationship between digital capital and students' reading practices in Vietnam, offering recommendations for future research and policy development to promote reading culture in higher education.*

***Keywords**: reading behavior; university students; digital transformation; digital capital; higher education.*

Nhận bài: 19/07/2026 Phản biện: 19/08/2026 Duyệt đăng: 22/08/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Từ truyền thống đến hiện đại, việc đọc luôn giữ vai trò thiết yếu trong quá trình học tập và phát triển tri thức của sinh viên Việt Nam. Trong xã hội Nho học, đọc sách gắn liền với con đường khoa cử là phương tiện chủ yếu để tu dưỡng bản thân và vươn lên trong trật tự xã hội. Trong các giai đoạn kháng chiến và xây dựng đất nước, việc đọc tiếp tục phát huy vai trò như một công cụ nhận thức lý tưởng, hun đúc tinh thần yêu nước và ý chí cách mạng. Bước vào thời kỳ hiện đại và chuyển đổi số, đọc trở thành hoạt động mang tính tự chủ cao, giúp sinh viên mở rộng kiến thức, phát triển năng lực tư duy phản biện, kỹ năng học tập suốt đời và khả năng thích ứng với những biến đổi nhanh chóng của xã hội tri thức.

Thực tế chỉ ra rằng, chuyển đổi số trong giáo dục đang diễn ra mạnh mẽ tại Việt Nam, đặc biệt ở các trường đại học. Trong bối cảnh này, hoạt động đọc của sinh viên không còn giới hạn ở sách in mà đã mở rộng sang các nền tảng số như tài liệu điện tử, thư viện số, báo mạng, và các nền tảng học liệu số,... Điều này làm thay đổi rõ rệt cách sinh viên tiếp cận, lựa chọn và tiếp nhận tri thức. Tuy nhiên, những biến đổi đó là không đồng đều giữa các nhóm sinh viên.

Một giả định nghiên cứu đặt ra là sự khác biệt về vốn kỹ thuật số - tức là sự tổng hòa của các yếu tố như điều kiện sở hữu thiết bị, môi trường học tập hỗ trợ và kỹ năng công nghệ, mức độ thành thạo khi sử dụng các công cụ số, chính là yếu tố quan trọng chi phối mức độ thích ứng và hiệu quả đọc trong bối cảnh chuyển đổi số. Sự khác biệt này có thể tạo ra bất bình đẳng trong khả năng tiếp cận, xử lý và khai thác thông tin, từ đó dẫn đến sự phân tầng trong kết quả học tập và cơ hội phát triển tri thức giữa các nhóm sinh viên.

Hiện nay, tại Việt Nam chưa có nghiên cứu nào tập trung làm rõ mối quan hệ giữa đặc trưng việc đọc của sinh viên với sự phân hóa về vốn kỹ thuật số trong môi trường giáo dục đại học và bối cảnh chuyển đổi số. Khoảng trống này không chỉ hạn chế khả năng nhận diện các vấn đề mới nảy sinh trong hành vi đọc của sinh viên, mà còn ảnh hưởng đến việc xây dựng các chính sách hỗ trợ phù hợp nhằm bảo đảm tính bao trùm và công bằng trong tiếp cận tri thức số. Bài báo tổng quan này nhằm mục tiêu khái quát hóa các kết quả nghiên cứu liên quan đến hành vi đọc của sinh viên trong kỷ

nguyên số, tập trung phân tích vai trò của vốn kỹ thuật số đối với sự thay đổi trong phương thức tiếp cận và khai thác học liệu.

II. NGHIÊN CỨU VỀ THỰC TRẠNG VIỆC ĐỌC CỦA SINH VIÊN VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

Nghiên cứu về việc đọc đã thu hút sự quan tâm của nhiều lĩnh vực như lịch sử, văn hóa học, dân tộc học, xã hội học, giáo dục, truyền thông và công nghệ. Tại Việt Nam, các nghiên cứu tập trung chủ yếu vào: (1) thói quen và hành vi đọc; (2) mối liên hệ giữa đọc và giáo dục; (3) chính sách phát triển văn hóa đọc và hệ thống thư viện; (4) đọc trong bối cảnh chuyển đổi số và mạng xã hội. Trong đó, sự biến đổi của việc đọc dưới tác động của chuyển đổi số là chủ đề ngày càng được quan tâm.

Trước hết, thói quen và hành vi đọc thường được nghiên cứu thông qua tần suất, phương tiện, thể loại và động cơ đọc. Nhiều nghiên cứu tại Việt Nam khảo sát các nhóm như sinh viên, thanh niên và học sinh (Lê Văn Hùng, 2019; Nguyễn Thị Ngọc Bích, 2015; Nguyễn Thị Thanh Hòa, 2017). Kết quả chung cho thấy xu hướng đọc sách in giảm, đọc qua thiết bị số tăng, trong khi mạng xã hội góp phần làm phổ biến các hình thức đọc lướt và đọc phân mảnh.

Một hướng nghiên cứu khác tập trung vào mối liên hệ giữa việc đọc và giáo dục. Việc đọc được xem là công cụ giúp người học tiếp cận kiến thức văn học, lịch sử, khoa học một cách hệ thống, đồng thời phát triển tư duy và năng lực học tập (Phạm Quang Trung, 2005; Nguyễn Thị Kim Dung, 2013; Trần Thị Minh Hạnh, 2020).

Bên cạnh đó, chính sách phát triển văn hóa đọc và hệ thống thư viện cũng được quan tâm. Việc mở rộng mạng lưới thư viện, đặc biệt tại vùng sâu, vùng xa, góp phần tăng cơ hội tiếp cận tri thức và hình thành văn hóa đọc trong cộng đồng (Nguyễn Hữu Giới, 2018; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 2017). Lê Thị Hoa (2024a) cho thấy Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam 21/4 góp phần lan tỏa thói quen đọc; các hoạt động như luân chuyển sách, không gian đọc mở và thư viện lưu động cũng giúp mở rộng khả năng tiếp cận sách, nhất là tại các địa bàn khó khăn.

Trong những năm gần đây, nhiều nghiên cứu tập trung vào sự biến đổi của việc đọc trong môi trường số, gồm thay đổi hành vi, phương tiện, hình thức đọc và vai trò của các thiết chế văn hóa. Khảo sát của Hội Xuất bản Việt Nam (2022) cho thấy 64% hình thức đọc phổ biến diễn ra trên điện thoại thông minh, nhưng chủ yếu phục vụ cập nhật tin tức và giải trí ngắn hạn hơn là đọc học thuật hoặc phát triển tư duy phản biện. Trần Thị Vân Anh (2022) nhấn mạnh tác động của mạng xã hội, thiết bị thông minh và nền tảng số đến hành vi đọc của người trẻ; Đức Thành (2023) phản ánh những thay đổi của việc đọc trong đời sống cộng đồng. Lê Thị Hoa (2024b) chỉ ra xu hướng giảm thị phần sách in, trong khi các hình thức như ebook, audiobook, video book ngày càng được ưa chuộng.

Sự phụ thuộc vào công nghệ cũng đặt ra những thách thức đối với khả năng tập trung, chất lượng học tập và tư duy của người đọc. Nguyễn Thị Thanh Hòa (2021) cảnh báo nguy cơ "mất năng lực đọc sâu" và lệ thuộc vào nội dung ngắn, dễ tiếp cận nhưng thiếu chiều sâu phân tích. Trong khi đó, Nguyễn Hữu Giới (2018) và Lê Quốc Tiến (2022) nhấn mạnh vai trò của thư viện công cộng, thư viện điện tử và các nền tảng xuất bản trong phổ cập sách số, tài liệu học thuật và duy trì văn hóa đọc trong môi trường số.

Nhìn chung, các nghiên cứu tại Việt Nam đã bước đầu nhận diện những thay đổi về hành vi đọc, phương tiện đọc, bối cảnh công nghệ và các thách thức đối với văn hóa đọc. Chuyển đổi số không chỉ làm thay đổi phương tiện và nội dung đọc mà còn tác động đến mục tiêu, cách thức và chất lượng đọc, qua đó đặt ra nhu cầu tiếp tục có những nghiên cứu liên ngành để nhận diện sâu hơn sự biến đổi của văn hóa đọc trong xã hội số.

III. NGHIÊN CỨU VỀ TÁC ĐỘNG CỦA CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐẾN VIỆC ĐỌC CỦA SINH VIÊN

Tác động của công nghệ đến việc đọc của sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số ngày càng thu hút sự quan tâm. Tại Hà Nội, nơi tập trung nhiều trường đại học lớn, các nghiên cứu đã tiếp cận vấn đề từ nhiều khía cạnh như hành vi đọc, năng lực số, văn hóa số và chính sách hỗ trợ.

Nguyễn Thị Thu Trang (2021), qua khảo sát tại Đại học Quốc gia Hà Nội, cho rằng đọc phân mảnh, đọc ngắn và lệ thuộc vào thiết bị số có thể làm suy giảm khả năng đọc sâu và tư duy phản biện của sinh viên. Tương tự, nghiên cứu của nhóm sinh viên Trường Đại học Văn hóa Hà Nội (2022) về ảnh hưởng của công nghệ đến văn hóa đọc cho thấy mạng xã hội, thiết bị di động và học liệu số góp phần làm hành vi đọc ngày càng phân mảnh, phụ thuộc nền tảng số và thiếu chiều sâu học thuật. Nhóm đề xuất xây dựng thư viện điện tử thân thiện, đào tạo kỹ năng đọc số và tổ chức các dự án đọc tương tác.

Tiếp cận từ xã hội học số, Nguyễn Văn Cương (2023) cho rằng chuyển đổi số không chỉ thay đổi phương tiện đọc mà còn định hình cách sinh viên tiếp cận, xử lý và cấu trúc thông tin. Báo cáo của Hội Xuất bản Việt Nam (2022) cho thấy chỉ khoảng 14% sinh viên đọc toàn văn sách học thuật, trong khi hơn 50% chủ yếu đọc nội dung ngắn trên thiết bị di động để giải trí hoặc tra cứu tức thời. Nguyễn Ngọc Nam (2019) cũng nhận định sinh viên Trường Đại học Văn hóa Hà Nội chưa nhận thức đầy đủ giá trị của văn hóa đọc, chịu ảnh hưởng lớn từ mạng xã hội và thiếu định hướng từ nhà trường.

Bên cạnh khảo sát thực trạng, nhiều nghiên cứu đề xuất giải pháp phát triển văn hóa đọc. Trịnh Thị Thủy (2020) cho rằng cần tích hợp kỹ năng đọc học thuật và đọc số vào chương trình đại học, đồng thời xây dựng các nền tảng học tập điện tử có nội dung chuyên sâu. Nguyễn Hữu Giới (2018) và Lê Quốc Tiến (2022) nhấn mạnh vai trò của thư viện công cộng, thư viện điện tử, xuất bản mở và số hóa tài nguyên học thuật trong hỗ trợ sinh viên tiếp cận tri thức chất lượng cao.

Ở góc độ năng lực số, nhóm tác giả tại Đại học Kinh tế Quốc dân (2023) cho thấy sinh viên Hà Nội có khả năng sử dụng tương đối tốt các công cụ như AI (Artificial Intelligence - Trí tuệ nhân tạo), IoT (Internet of Things - Internet vạn vật kết nối), LMS (Learning Management System - Hệ thống quản lý học tập), nhưng vẫn tồn tại khoảng cách giữa "hiểu biết công cụ" và "năng lực chuyển đổi", nhất là trong nhận thức về vai trò của chuyển đổi số đối với sự nghiệp và khả năng thích nghi lâu dài.

Từ khía cạnh văn hóa học, Trần Nguyên Hào (2023) nhấn mạnh việc xây dựng "văn hóa số" cho sinh viên, bao gồm thái độ tích cực với công nghệ, khả năng học tập linh hoạt và đạo đức sử dụng mạng. Tác giả đề xuất giáo dục đạo đức số, tích hợp kỹ năng công nghệ vào chương trình và xây dựng cộng đồng học tập trực tuyến lành mạnh. Theo Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội (2022), nhiều mô hình như lớp học thông minh, thư viện số và học liệu mở đã được triển khai, tạo điều kiện cho người học tiếp cận công nghệ và phát triển năng lực học tập số.

Ở góc độ phong trào sinh viên, Hội Sinh viên TP. Hà Nội (2023) ghi nhận nhiều hoạt động như tập huấn kỹ năng số, nền tảng hỗ trợ khởi nghiệp và các cuộc thi sáng tạo công nghệ. Những hoạt động này góp phần tạo môi trường thực hành và trải nghiệm cho sinh viên trong tiến trình chuyển đổi số.

Nhìn chung, các nghiên cứu cho thấy việc đọc của sinh viên Hà Nội đang chuyển mạnh từ hình thức truyền thống sang môi trường số, với sự gia tăng của thiết bị di động và mạng xã hội. Bên cạnh cơ hội mở rộng khả năng tiếp cận tri thức, các vấn đề như đọc lướt, đọc phân mảnh, thiếu chiều sâu và nguy cơ suy giảm tư duy phản biện vẫn là những thách thức đáng chú ý. Những kết quả hiện có tạo cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc đề xuất các giải pháp giáo dục, chính sách và thiết chế nhằm phát triển văn hóa đọc bền vững trong sinh viên.

IV. NGHIÊN CỨU VỀ ẢNH HƯỞNG CỦA VỐN KỸ THUẬT SỐ ĐẾN VIỆC ĐỌC CỦA SINH VIÊN

Vốn kỹ thuật số (Digital Capital) được phát triển từ lý thuyết các dạng vốn xã hội của Bourdieu, phản ánh khả năng tiếp cận và sử dụng hiệu quả công nghệ số để đạt lợi ích học thuật, xã hội và kinh tế. Ragnedda (2018) xác định hai thành tố chính gồm: (i) quyền tiếp cận công nghệ và (ii) năng lực kỹ thuật số. Ragnedda & Ruiu (2020) tiếp tục phát triển Digital Capital Index (DCI) với 5 yếu tố: truy cập, kỹ năng thông tin, giao tiếp số, sáng tạo nội dung số và kết quả thu được từ công nghệ. Vốn kỹ thuật số vì vậy được xem là nguồn lực quan trọng đối với học tập, đọc và xử lý thông tin trong môi trường số.

Một hướng nghiên cứu nổi bật là vốn kỹ thuật số và bất bình đẳng trong đọc, học tập. Hargittai (2010) cho thấy sinh viên có địa vị xã hội thấp thường hạn chế hơn về kỹ năng tìm kiếm và đánh giá thông tin số, từ đó ảnh hưởng đến đọc học thuật. Van Deursen & Van Dijk (2011) phân loại kỹ năng kỹ thuật số thành 4 mức, từ vận hành cơ bản đến kỹ năng chiến lược, và nhấn mạnh rằng năng lực cao hơn giúp cá nhân chuyển hóa dữ liệu thành kiến thức hiệu quả hơn.

Các nghiên cứu cũng chỉ ra mối liên hệ giữa vốn kỹ thuật số và hoạt động đọc trong giáo dục số. Ragnedda, Ruiu & Addeo (2021) cho thấy sinh viên có vốn kỹ thuật số cao học trực tuyến và đọc tài liệu số hiệu quả hơn trong thời kỳ Covid-19. Park & Burford (2013) nhận thấy sinh viên có kỹ năng số cao sử dụng đa dạng hơn các nguồn như ebook, cơ sở dữ liệu điện tử và học liệu mở. Khảo sát ARFIS (Academic Reading Format International Study) cũng ghi nhận mối tương quan giữa khả năng sử dụng các công cụ đọc số như PDF, chú thích điện tử, tra cứu từ khóa và mức độ hiểu tài liệu học thuật số.

Nhìn chung, các nghiên cứu quốc tế đã xác lập nền tảng lý thuyết và thực nghiệm về vốn kỹ thuật số, đồng thời cho thấy mối liên hệ với hiệu quả đọc và kết quả học tập. Tuy nhiên, vẫn thiếu các nghiên cứu đo lường cụ thể tác động của vốn kỹ thuật số đến đọc sâu, đọc phản biện và kết quả đọc học thuật, đặc biệt tại các quốc gia đang phát triển.

Tại Việt Nam, các nghiên cứu bước đầu tiếp cận vốn kỹ thuật số cả về lý thuyết và thực nghiệm. Đỗ Anh Đức (2025) đề xuất khung gồm (i) quyền truy cập công nghệ và (ii) kỹ năng kỹ thuật số, hiệu chỉnh từ Digital Capital Index (Ragnedda, 2020) để phù hợp với bối cảnh Việt Nam. Trường Đại học KHXH&NV - ĐHQGHN (2023) cũng ban hành Khung năng lực số cho sinh viên gồm 07 nhóm năng lực và 26 tiêu chí.

Một số nghiên cứu thực nghiệm cho thấy sự khác biệt đáng kể trong khả năng sở hữu và sử dụng vốn kỹ thuật số. Vũ Ngọc Kiên et al. (2024), khảo sát 239 sinh viên tại Hà Nội, xác định hạ tầng, thói quen sử dụng công nghệ và kỹ năng tìm kiếm thông tin là các yếu tố chính ảnh hưởng đến truy cập thư viện điện tử. Chử Bá Quyết & Hoàng Cao Cường (2019) cho thấy 100% sinh viên được khảo sát từng đọc sách điện tử, nhưng phần lớn vẫn ưu tiên bản in khi đọc sâu. Trần Đình Hùng et al. (2025) cũng ghi nhận kỹ năng số trung bình của sinh viên tại Thái Nguyên còn thấp, đặc biệt ở năng lực sáng tạo nội dung số.

Vốn kỹ thuật số còn liên quan đến hành vi khởi nghiệp. Phạm Thị Minh & Nguyễn Hữu Lộc (2023) cho thấy kiến thức kỹ thuật số là yếu tố ảnh hưởng mạnh nhất đến ý định khởi nghiệp kỹ thuật số của sinh viên TP.HCM. Theo Quyết định 1665/QĐ-TTg (2017), kỹ năng số cũng là một trong các trụ cột hỗ trợ học sinh – sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025.

Tổng quan cho thấy nghiên cứu về vốn kỹ thuật số tại Việt Nam đã có những bước tiến ban đầu, nhưng vẫn còn ba khoảng trống chính: (1) thiếu nghiên cứu định lượng quy mô lớn sử dụng thang đo chuẩn hóa DCI; (2) thiếu bằng chứng về mối liên hệ giữa vốn kỹ thuật số với kết quả học thuật, đặc biệt là đọc sâu và đọc phản biện; (3) phân tầng theo giới tính, vùng miền và ngành học chưa được phân tích đầy đủ.

V. KẾT LUẬN

Tổng quan nghiên cứu trong và ngoài nước cho thấy hành vi đọc của sinh viên đang thay đổi rõ rệt trong bối cảnh chuyển đổi số, thể hiện qua sự chuyển dịch từ đọc truyền thống sang đọc trên nền tảng số, với các đặc trưng như đọc ngắn, đọc lướt, phụ thuộc vào thiết bị di động và mạng xã hội. Đồng thời, nhiều nghiên cứu cảnh báo nguy cơ suy giảm năng lực đọc sâu và tư duy phản biện, những năng lực quan trọng trong giáo dục đại học.

Song song với đó, vốn kỹ thuật số được xem là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận và xử lý tri thức trong môi trường số. Các nghiên cứu quốc tế đã xây dựng cơ sở lý luận và công cụ đo lường như Digital Capital Index, cho thấy mối liên hệ giữa quyền truy cập, kỹ năng số và hoạt động đọc. Tại Việt Nam, nghiên cứu về vốn kỹ thuật số của sinh viên mới chủ yếu dừng ở mô tả, còn thiếu các phân tích định lượng làm rõ mối quan hệ giữa vốn kỹ thuật số, hành vi đọc và những bất bình đẳng phát sinh trong chuyển đổi số.

Từ đó, nghiên cứu mối liên hệ giữa vốn kỹ thuật số và đặc trưng việc đọc của sinh viên vừa có ý nghĩa lý luận trong hoàn thiện khung phân tích hành vi đọc thời đại số, vừa có giá trị thực tiễn đối với chính sách giáo dục, thiết kế chương trình học tập và phát triển văn hóa đọc bền vững. Đây vẫn là hướng nghiên cứu còn mới tại Việt Nam, cần tiếp tục được triển khai trên cơ sở kế thừa thành tựu quốc tế và phù hợp với bối cảnh giáo dục – xã hội trong nước.

Lời cảm ơn: Bài viết nằm trong khuôn khổ nhiệm vụ cấp cơ sở năm 2026 của Viện Xã hội học và Tâm lý học

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Đại học Kinh tế Quốc dân (2023). Nghiên cứu về năng lực chuyển đổi số của sinh viên trên địa bàn Hà Nội. Studocu. https://www.studocu.vn/vn/document/dai-hoc-kinh-te-quoc-dan/nghien-cuu-khoa-hoc/nghien-cuu-ve-nang-luc-chuyen-doi-so-cua-sinh-vien-tren-dia-ban-ha-noi/112019951

Doan, M. H., & Bui, L. T (2023). Digital reading behavior among Vietnamese university students in the context of educational transformation. SAGE Open, 13(2), 1–13.

Đỗ, A. Đ (2025). Vốn kỹ thuật số: Tiếp cận toàn diện về phát triển nguồn nhân lực trong thời đại số. Tạp chí ICT Việt Nam.

Hargittai, E (2010). Digital na(t)ives? Variation in Internet skills and uses among members of the "Net Generation". Sociological Inquiry, 80(1), 92–113. https://doi.org/10.1111/j.1475-682X.2009.00317.x

Hội Xuất bản Việt Nam (2022). Báo cáo thường niên về thực trạng đọc sách của người Việt Nam năm 2022. Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông.

Khoi, D. T (2016). A survey into reading habits among Vietnamese university students. Academia.edu. https://www.academia.edu/30602521/

Lê, V. H (2019). Thói quen đọc sách của sinh viên đại học tại Hà Nội. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Quốc gia Hà Nội, 35(2), 112–119.

Nguyen, H. T., & Nguyen, P. T (2023). Investigating students' attitudes towards extensive reading in a Vietnamese EFL university classroom. Vietnam Journal of Education, 7(1), 45–55. https://vje.vn/index.php/journal/article/view/345

Nguyen, T. N., & Tran, Q. T (2022). The use of metacognitive reading strategies among Vietnamese university students: A comparison across majors. Journal of Language and Education, 8(3), 1–14. https://files.eric.ed.gov/fulltext/EJ1459859.pdf

Nguyễn, M. T (2023). Suy nghĩ về phát triển văn hóa đọc trong sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Truy cập từ https://www.haui.edu.vn/vn/goc-nhin-haui/suy-nghi-ve-phat-trien-van-hoa-doc-trong-sinh-vien-truong-dai-hoc-cong-nghiep-ha-noi/64150

Nguyễn, N. N (2019). Thực trạng và giải pháp phát triển nhu cầu đọc của sinh viên Trường Đại học Văn hóa Hà Nội hiện nay (Khóa luận tốt nghiệp đại học). Trường Đại học Văn hóa Hà Nội. https://huc.dspace.vn

Nguyễn, T. T. T (2021). Hành vi đọc của sinh viên trong thời đại số: Trường hợp nghiên cứu tại Hà Nội. Tạp chí Khoa học Thư viện Thông tin, (2), 34–42.

Nguyễn, V. C (2023). Một số vấn đề từ hướng tiếp cận xã hội học về chuyển đổi số ở Việt Nam. Tạp chí Lý luận Chính trị, (2), 12–19.

Park, S., & Burford, S (2013). Student engagement with digital textbooks in higher education: Outcomes and recommendations. Australasian Journal of Educational Technology, 29(1), 91–105. https://doi.org/10.14742/ajet.95

Phạm, T. M. M., & Nguyễn, H. L (2023). Trò chơi hóa và ý định khởi nghiệp kỹ thuật số của sinh viên TP. Hồ Chí Minh. Tạp chí Kinh tế - Quản trị Kinh doanh, 42(4), 45–54.

Ragnedda, M (2018). Conceptualising digital capital. Telecommunications Policy, 42(9), 732–741. https://doi.org/10.1016/j.telpol.2018.06.002

Ragnedda, M., & Ruiu, M. L (2020). Digital capital: A Bourdieusian perspective on the digital divide. Emerald Publishing.

Ragnedda, M., Ruiu, M. L., & Addeo, F (2021). Digital capital and online learning during the COVID-19 pandemic. Italian Sociological Review, 11(3), 577–596. https://doi.org/10.13136/isr.v11i3.457

Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội (2022). Chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo Thủ đô. Tạp chí Cộng sản. https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/the-gioi-van-de-su-kien/-/2018/990103

Stoller, F. L., & Nguyen, H. T (2020). Vietnamese EFL students' academic reading behavior: A multi-university study. System, 91, Article 102264. https://doi.org/10.1016/j.system.2019.102264

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội (2022). Khảo sát thói quen đọc sách của sinh viên tại Trường ĐHKHXH&NV Hà Nội. Hội nghị Nghiên cứu Khoa học Sinh viên.

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội (2023). Khung năng lực số dành cho sinh viên.

Trường Đại học Kinh tế – Đại học Quốc gia Hà Nội (2022). Nghiên cứu ảnh hưởng của chuyển đổi số trong giáo dục đại học đến sinh viên. Studocu. https://www.studocu.vn/vn/document/dai-hoc-quoc-gia-ha-noi/business-organisation-and-management/nghien-cuu-anh-huong-cua-chuyen-doi-so-trong-giao-duc-dai-hoc/26878502

Trường Đại học Kinh tế – Đại học Quốc gia Hà Nội (2024). Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi đọc báo điện tử của sinh viên trên địa bàn Hà Nội. Báo cáo nghiên cứu sinh viên.

Van Deursen, A. J. A. M., & Van Dijk, J. A. G. M (2011). Internet skills and the digital divide. New Media & Society, 13(6), 893–911. https://doi.org/10.1177/1461444810386774

Vũ, N. K., Nguyễn, V. H., & Phạm, H. L (2024). Nghiên cứu hành vi sử dụng thư viện điện tử của sinh viên các trường đại học tại Hà Nội. Tạp chí Công Thương, (5), 115–124.